

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 11 năm 2021

ĐIỂM THI

PHẦN I.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 11, TẠI ĐẢNG BỘ THỊ XÃ PHỔ YÊN

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Ngô Thị An	01	31	7,0	Bảy	
2	Đào Thị Bích	02	41	6,5	Sáu rưỡi	
3	Nguyễn Khắc Bình	03	58	7,0	Bảy	
4	Dương Đức Chung	04	71	7,0	Bảy	
5	Nguyễn Thị Kim Cúc	05	14	8,0	Tám	
6	Dương Văn Cường	06	69	7,0	Bảy	
7	Trần Thị Dịu	07	76	7,0	Bảy	
8	Đồng Thị Dung	08	70	7,0	Bảy	
9	Hà Chí Dũng	09	48	7,5	Bảy rưỡi	
10	Tạ Long Giang	10	46	7,0	Bảy	
11	Đỗ Thị Giang	11	49	7,0	Bảy	
12	Lê Văn Giang	12	64	7,0	Bảy	
13	Hoàng Hương Giang	13	57	7,0	Bảy	
14	Nguyễn Thị Ngọc Hà	14	56	7,0	Bảy	
15	Ngô Thị Ngọc Hân	15	73	7,0	Bảy	
16	Phạm Thu Hằng	16	62	7,5	Bảy rưỡi	
17	Nguyễn Thị Hạnh	17	21	6,0	Sáu	
18	Trịnh Thị Hạnh	18	17	6,5	Sáu rưỡi	
19	Trần Thị Hậu	19	10	7,5	Bảy rưỡi	
20	Trần Thị Hiền	20	02	7,0	Bảy	
21	Nguyễn Thị Hoan	21	35	7,0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
22	Vũ Thị Hương	22	43	7,0	Bảy	
23	Tạ Thị Thu Hương	23	24	7,0	Bảy	
24	Nguyễn Thị Hương	24	27	8,0	Tám	
25	Nguyễn Thị Lan Hương	25	51	7,0	Bảy	
26	Lại Thị Hường	26	22	7,0	Bảy	
27	Nguyễn Thị Thanh Huyền	27	30	7,0	Bảy	
28	Ngô Thị Thanh Huyền	28	01	8,0	Tám	
29	Nguyễn Thị Lân	29	11	7,0	Bảy	
30	Lê Thị Lân	30	07	7,5	Bảy rưỡi	
31	Hà Thị Kim Liên	31	03	8,0	Tám	
32	Lê Thị Kim Liễu	32	38	7,5	Bảy rưỡi	
33	Dương Mạnh Lương	33	26	7,0	Bảy	
34	Nguyễn Khắc Luật	34	55	6,5	Sáu rưỡi	
35	Quan Thị Luyện	35	53	7,5	Bảy rưỡi	
36	Đặng Thanh Mai	36	80	7,0	Bảy	
37	Đào Văn Minh	37	15	7,0	Bảy	
38	Trần Thị Thiên Nga	38	13	7,0	Bảy	
39	Lê Thị Thanh Nga	39	37	7,0	Bảy	
40	Ngô Thị Phương Ngân	40	42	7,0	Bảy	
41	Nguyễn Mạnh Nghĩa	41	29	7,0	Bảy	
42	Nguyễn Thị Nguyệt	42	25	7,0	Bảy	
43	Phùng Thị Nhân	43	08	7,0	Bảy	
44	Phạm Thị Nhuận	44	09	7,0	Bảy	
45	Lê Thị Nhung	45	23	7,5	Bảy rưỡi	
46	Đặng Thị Ninh	46	75	7,0	Bảy	
47	Nguyễn Thị Hồng Ninh	47	77	7,0	Bảy	
48	Lưu Thị Phương	48	61	7,0	Bảy	
49	Dương Quỳnh Phương	49	33	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
50	Đỗ Thị Kim Phụng	50	32	7,5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Thị Sen	51	66	8,0	Tám	
52	Hà Thị Tám	52	50	7,0	Bảy	
53	Kiều Thị Thanh Tâm	53	68	7,0	Bảy	
54	Nguyễn Đức Thái	54	79	7,0	Bảy	
55	Dương Thị Hồng Thắm	55	74	7,0	Bảy	
56	Ngô Ngọc Thắng	56	63	6,5	Sáu rưỡi	
57	Đỗ Thị Thanh Thảo	57	34	7,0	Bảy	
58	Nguyễn Thị Thảo	58	40	7,0	Bảy	
59	Hoàng Thị Minh Thi	59	45	7,0	Bảy	
60	Nguyễn Đăng Thiện	60	59	8,0	Tám	
61	Vũ Khánh Thiện	61	67	7,0	Bảy	
62	Ngô Văn Thiệu	62	72	6,5	Sáu rưỡi	
63	Nguyễn Thị Thoan	63	19	7,5	Bảy rưỡi	
64	Dương Thị Thu	64	52	6,5	Sáu rưỡi	
65	Phùng Đức Thường	65	54	7,0	Bảy	
66	Lê Thị Thúy	66	65	7,0	Bảy	
67	Đỗ Thị Bích Thùy	67	78	7,0	Bảy	
68	Nguyễn Thị Thủy	68	20	6,5	Sáu rưỡi	
69	Triệu Tiến Thủy	69	28	7,0	Bảy	
70	Dương Thu Trang	70	47	7,0	Bảy	
71	Bùi Thị Trang	71	36	7,0	Bảy	
72	Triệu Thị Tuyết Trinh	72	05	7,0	Bảy	
73	Vũ Anh Tuấn	73	44	6,5	Sáu rưỡi	
74	Phạm Anh Tuấn	74	60	8,0	Tám	
75	Trần Thúy Vân	75	12	6,5	Sáu rưỡi	
76	Nguyễn Thúy Vinh	76	04	7,0	Bảy	
77	Nguyễn Thị Vui	77	16	7,0	Bảy	

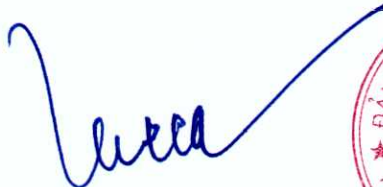
STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
78	Nguyễn Thị Yến	78	39	7,0	Bảy	
79	Nguyễn Thị Hải Yến	79	18	7,0	Bảy	
80	Nguyễn Thị Kim Xuyên	80	06	7,0	Bảy	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

